

I. Ngành : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã ngành, nghề : 6480201

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Hình thức đào tạo : Chính quy tập trung

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo : 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Hiện nay, ngành công nghệ thông tin là một trong những ngành học được chú trọng trong hệ thống đào tạo của trường đại học công nghệ thông tin và các trường đại học khác có đào tạo ngành học này. Nó được xem là ngành đào tạo mũi nhọn hướng đến sự phát triển công nghệ và khoa học kỹ thuật trong thời đại số hóa ngày nay.

Công nghệ thông tin là một ngành học được đào tạo để sử dụng máy tính và các phần mềm máy tính để phân phối và xử lý các dữ liệu thông tin và dùng để trao đổi, lưu trữ cũng như chuyển đổi các dữ liệu thông tin dưới hình dạng khác nhau. Ngành công nghệ thông tin là ngành có tốc độ phát triển nhanh, mạnh và có đóng góp to lớn vào sự tăng trưởng GDP của nước ta trong nhiều năm qua. Công nghệ thông tin giúp mọi việc dễ dàng hơn, nâng cao hiệu quả sản xuất và tiết kiệm được thời gian và công sức.

Là những sinh viên mới bắt đầu học về ngành công nghệ thông tin, đây là một ngành khoa học mới nhưng phát triển rất nhanh do đó, em cần có một nền tảng kiến thức vững chắc mới có thể theo kịp những bước tiến của khoa học và công nghệ. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, em đã được tìm hiểu về công nghệ thông tin để áp dụng cho bản thân hoặc những môn học khác từ đó áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ kỹ sư thực hành ngành công nghệ thông tin, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn ngành công nghệ thông tin. Sau khi tốt nghiệp có thể làm việc độc lập trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị hành chính sự nghiệp và các đơn vị nghiên cứu về lĩnh vực công nghệ thông tin.

Trên cơ sở các kiến thức được trang bị ở trình độ cao đẳng người học từng bước hoàn thiện khả năng độc lập nghiên cứu, tự bồi dưỡng và tiếp tục lên bậc học trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên;
- Có kiến thức trong lĩnh vực phát triển phần mềm, website bao gồm các khâu phân tích, thiết kế và thi công một phần mềm, một website ở qui mô vừa và nhỏ;
- Chọn lựa và sử dụng các giải pháp công nghệ phù hợp hướng đến các hoạt động của đời sống xã hội theo xu hướng số hóa và sự phát triển của công nghệ và dịch vụ mạng Internet;
- Được trang bị những kiến thức nền cơ bản của khoa học máy tính để có thể chuyển hướng chuyên sâu trong các lĩnh vực công nghệ mạng, đồ họa đa truyền thông, thương mại điện tử, hoặc tiếp tục nâng cấp trình độ ở các khóa học có cấp độ cao hơn.

* Về kỹ năng:

⌚ Kỹ năng chuyên môn

- Lắp ráp, cài đặt, sửa chữa, bảo trì được máy vi tính;
- Sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng;
- Lập trình quản trị cơ sở dữ liệu và lập trình ứng dụng;
- Thiết kế, lắp ráp, cài đặt hệ thống mạng;
- Thiết kế Web, khai thác và quản lý mạng dịch vụ Internet;

⌚ Kỹ năng mềm

- Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của công nghệ thông tin, khả năng tự học trong môi trường làm việc và yêu cầu học tập suốt đời;

- Tự tin, tư duy, năng động, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, khả năng hòa nhập, hợp tác và làm việc nhóm, khả năng thích ứng trong môi trường hội nhập.

*** Về thái độ:**

- Có phẩm chất chính trị;
- Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các chủ trương chính sách của ngành;
- Tác phong công nghiệp và thái độ nghiêm túc đối với công việc, hiểu biết về nghiệp vụ và có ý thức hoàn thành nhiệm vụ;
- Trung thực, có ý thức bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội, thực hiện tốt an toàn trong làm việc;
- Chấp hành pháp luật, có ý thức tuân thủ quy định và thông lệ quốc tế về bảo hộ sở hữu trí tuệ; có ý thức tổ chức kỷ luật cao về bảo mật thông tin, được rèn luyện đức tính và tác phong cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Bộ phận quản trị, bộ phận IT tại các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT và kể cả các lĩnh vực khác như ngân hàng, y tế, giáo dục, giải trí...
- Giáo viên về CNTT ở các trường có đào tạo bậc thấp hơn;
- Nhân viên lập trình và thiết kế Website cho các công ty phần mềm;
- Tham gia vào các dự án về CNTT ở các cơ quan, doanh nghiệp...;
- Cán bộ kỹ thuật, quản lý trong các doanh nghiệp kinh doanh về CNTT;
- Tự mở cửa hàng, công ty kinh doanh về CNTT (mua bán, sửa chữa, thiết kế website, viết phần mềm...).
- Tiếp tục được đào tạo ở bậc cao hơn để trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực CNTT;

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.370 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.935 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 487 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.810 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

6. Nội dung chương trình

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-----------------|---|------------------|-------------------------|--------------|---|-------------|
| | | | Trong đó | | | |
| | | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung, đại cương | 21 | 435 | 157 | 255 | 23 |
| MH01 | Giáo dục Chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| MH02 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MH03 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| MH04 | Giáo dục Quốc phòng và an ninh | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| MH05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH06a | Tiếng Anh 1 | 3 | 60 | 21 | 36 | 3 |
| MH06b | Tiếng Anh 2 | 3 | 60 | 21 | 36 | 3 |
| II | | | | | | |
| II.1 | Các môn học/mô đun cơ sở ngành | 10 | 240 | 75 | 154 | 11 |

| | | | | | | |
|------------------|---|-----------|--------------|------------|--------------|-----------|
| MĐ07 | Kỹ năng an toàn, vệ sinh lao động | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ08 | Lập trình căn bản | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ09 | Kiến trúc máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ10 | Cơ sở dữ liệu – SQL Server | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ11 | Cấu trúc dữ liệu | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| II.2 | Các môn học, mô đun ngành nghề | 32 | 780 | 240 | 504 | 36 |
| MĐ12 | Mạng máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ13 | Cài đặt, sửa chữa máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ14 | Cài đặt, sửa chữa thiết bị ngoại vi | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ15 | AutoCad | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ16 | Thiết kế Web cơ bản | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ17 | Photoshop | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ18 | Corel Draw | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ19 | Lập trình web 1 | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ20 | Lập trình Web 2 | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ21 | Lập trình ứng dụng | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ22 | Lập trình hướng đối tượng | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ23 | Thương mại điện tử | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ24 | Lập trình di động | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ25 | Phân tích thiết kế hệ thống | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ26 | Thiết kế đồ họa Illustrator | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ27 | Mạng không dây và Camera | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| II.3 | Các mô đun thực tập | 19 | 855 | 0 | 855 | 0 |
| MĐ28 | Thực tập cơ sở 1 | 3 | 135 | | 135 | |
| MĐ29 | Thực tập cơ sở 2 | 3 | 135 | | 135 | |
| MĐ30 | Thực tập cơ sở 3 | 3 | 135 | | 135 | |
| MĐ31 | Thực tập tốt nghiệp | 10 | 450 | | 450 | |
| II.4 | Môn học, mô đun tự chọn | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ32a | Xây dựng Web nguồn mở (Joomla/WordPress, NukViet,...) | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ32b | Xây dựng phần mềm ứng dụng | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ32b | IoT (Internet of Things) | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | 84 | 2.370 | 487 | 1.810 | 73 |

II. Ngành: ĐỒ HỌA ĐA PHƯƠNG TIỆN

Mã ngành, nghề : 6480108
 Trình độ đào tạo : Cao đẳng
 Hình thức đào tạo : Chính quy
 Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
 Thời gian đào tạo : 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Kỹ sư thực hành ngành Đồ họa đa phương tiện trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đồ họa đa phương tiện, đáp ứng nhu cầu hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng. Người học có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ giải quyết các vấn đề liên quan đến thiết kế đồ họa.

Trên cơ sở các kiến thức được trang bị ở trình độ cao đẳng người học từng bước hoàn thiện khả năng độc lập nghiên cứu, tự bồi dưỡng và tiếp tục lên bậc học trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

*** Về kiến thức:**

- Có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam;
- Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, về mỹ thuật, thiết kế và kiến thức ngành Đồ họa đa phương tiện; có khả năng sáng tạo, ứng dụng trong việc thực hiện thiết kế các sản phẩm đồ họa;
- Có kiến thức về các lĩnh vực: thiết kế quảng cáo, xây dựng thương hiệu, nghệ thuật thị giác, khả năng tạo hình. Có kiến thức về thẩm mỹ trong các Đồ họa đa phương tiện: Logo, Sách, Tạp chí, Brochure, catalogue, bao bì sản phẩm công nghiệp và các hình thức Đồ họa ứng dụng khác trong đời sống;
- Hiểu rõ những đặc điểm, tính chất cơ bản trong thiết kế chuẩn bị cho in ấn;
- Hiểu biết về sử dụng các phần mềm trong hệ thống thiết kế đồ họa Adobe: Photoshop, illustrator, Indesign....

*** Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng thể hiện sản phẩm thiết kế, tư vấn khách hàng về thẩm mỹ và ứng dụng của hệ thống sản phẩm Đồ họa trong đời sống, đồng thời có kỹ năng trong hoạt động quảng cáo – xây dựng thương hiệu – thương mại đối với sản phẩm thiết kế;
 - Thực hiện được quy trình thiết kế sản phẩm từ phác thảo ý tưởng sáng tạo, thể hiện sản phẩm đến in ấn và hoàn thiện thành phẩm, có kỹ năng làm việc nhóm hoặc độc lập;
 - Có kỹ năng vẽ tay, thiết kế trên máy vi tính và thực hiện các sản phẩm đồ họa. Phát huy sự sáng tạo của cá nhân, phối hợp làm việc giữa cá nhân và tập thể để thực hiện thiết kế và thực hành sản phẩm;
 - Biết phân tích sản phẩm thiết kế về màu sắc, hình thể, không gian... kết hợp với tâm lý người sử dụng. Tiếp cận và nắm bắt những công nghệ mới trong lĩnh vực thiết kế Đồ họa.
 - Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của công nghệ thông tin, khả năng tự học trong môi trường làm việc và yêu cầu học tập suốt đời;
- Tự tin, tự duy, năng động, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, khả năng hòa nhập, hợp tác và làm việc nhóm, khả năng thích ứng trong môi trường hội nhập;

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể:

- Tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực thiết kế đồ họa ứng dụng như in ấn, thiết kế, quảng cáo, trình bày ấn phẩm... Có khả năng sáng tác thiết kế các sản phẩm đồ họa công thương nghiệp và đồ họa văn hóa, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Có khả năng làm việc độc lập hoặc thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa;
- Làm việc trong các ngành liên quan đến vẽ kỹ thuật như xây dựng, kiến trúc, cơ khí;
- Làm việc trong các ngành liên quan về mỹ thuật như quảng cáo, thiết kế thời trang;
- Làm việc trong các công ty, cơ quan, tổ chức xuất bản sách báo, tạp chí;
- Thiết kế đồ họa cho Website;
- Có thể làm việc ở các cơ quan, công ty liên quan đến việc sử dụng, khai thác công nghệ đa phương tiện;
- Tự mở cửa hàng, công ty thiết kế, in ấn và quảng cáo;
- Giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp;

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 30
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 84 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.920 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 442 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.842 giờ

3. Nội dung chương trình

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học, mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-----------------|---|------------------|-------------------------|--------------|--|-------------|
| | | | Trong đó | | | |
| | | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung, đại cương | 21 | 435 | 157 | 255 | 23 |
| MH 01 | Chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| MH 02 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| MH 04 | Giáo dục Quốc phòng | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| MH 05 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH06A | Tiếng Anh 1 | 3 | 60 | 21 | 36 | 3 |
| MH6B | Tiếng Anh 2 | 3 | 60 | 21 | 36 | 3 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề | | | | | |
| II.1 | Các môn học, mô đun cơ sở ngành | 12 | 285 | 105 | 168 | 12 |
| MĐ07 | Kỹ năng an toàn, vệ sinh lao động | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ08 | Kiến trúc máy tính | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ09 | Lập trình căn bản | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ10 | Mạng máy tính | 3 | 75 | 30 | 42 | 3 |
| MĐ11 | Cài đặt, sửa chữa máy tính, máy in | 3 | 75 | 30 | 42 | 3 |
| II.2 | Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề | 30 | 750 | 225 | 490 | 35 |
| MĐ12 | Photoshop | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ13 | CorelDraw | 3 | 75 | 30 | 42 | 3 |
| MĐ14 | Thiết kế web cơ bản | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ15 | AutoCad | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ16 | Thiết kế đồ họa Illustrator | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ17 | Thiết kế mẫu quảng cáo | 3 | 75 | 30 | 42 | 3 |
| MĐ18 | Thiết kế đồ họa 3Ds Max | 3 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ19 | Thiết kế giao diện Web | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ20 | Công nghệ Multimedia | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ21 | Kỹ thuật dàn trang, in ấn | 3 | 60 | 15 | 42 | 3 |

| | | | | | | |
|------------------|---|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| MĐ22 | Thiết kế ảnh động Flash | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| MĐ23 | Kỹ thuật Camera và chụp ảnh | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ24 | Kỹ thuật xử lý video | 2 | 60 | 15 | 42 | 3 |
| II.3 | Các mô đun thực tập | 19 | 855 | | 855 | |
| MĐ25 | Thực tập cơ sở 1 | 3 | 135 | | 135 | |
| MĐ26 | Thực tập cơ sở 2 | 3 | 135 | | 135 | |
| MĐ27 | Thực tập cơ sở 3 | 3 | 135 | | 135 | |
| MĐ28 | Thực tập tốt nghiệp | 10 | 450 | | 450 | |
| II.4 | Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2) | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ29a | Thiết kế web nguồn mở | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ29b | Thiết kế banner, logo, pano | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| TỔNG CỘNG | | 84 | 2370 | 502 | 1796 | 72 |